

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 24 - 7 - 2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết.

Bà Đoàn Thị Diệu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986; Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 132/A1 đường H, Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Tuấn Đ, sinh năm 1986. Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 132/A1 đường H, Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Hiện anh Đ đang chấp hành án phạt tại Trại giam Ninh Khánh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị C; Cùng trú tại: Số nhà 132/A1 đường H, Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H, ông L, bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đang chấp hành án phạt tù (không có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/5/2020 và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Tuấn Đ kết hôn ngày 16 tháng 9 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ ham chơi, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Từ năm 2016 đến nay, anh Đ đã 04 lần vi phạm pháp luật, hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù 02 năm về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn; vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, chị xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Đức A, sinh ngày 31/10/2009. Sau khi ly hôn chị nhận nuôi con Phạm Đức A và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu Phạm Đức A đang ở với ông bà nội là ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị C, tại địa chỉ: Số nhà 132/A1 đường H, Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Chị đề nghị ông L và bà C có trách nhiệm giao con Phạm Đức A cho chị khi chị có đơn yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 6 năm 2020 anh Phạm Tuấn Đ trình bày:

Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc chị Phạm Thị H có đơn xin ly hôn anh. Anh Đ có quan điểm như sau:

Về tình cảm: Anh xác định thời gian kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị H đã trình bày. Hiện nay anh đang phải chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Nam Định. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh nhận thấy tình cảm của anh với chị H vẫn còn. Anh mong chị H suy nghĩ lại, vợ chồng đoàn tụ cùng anh nuôi dạy con chung. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Đức A, sinh ngày 31/10/2009, hiện nay đang ở với ông bà nội. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh có nguyện vọng để ông bà nội tiếp tục được nuôi dưỡng. Sau khi anh chấp hành án xong anh sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 7 năm 2020, bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ của anh Phạm Tuấn Đ trình bày:

Gia đình bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị Phạm Thị H có đơn xin ly hôn anh Phạm Tuấn Đ. Hiện nay anh Đ đang đi chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh xã Ninh Vân huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình. Con chung của chị H, anh Đ là cháu Phạm Đức A đang ở cùng ông bà. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh Đ, gia đình bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm của chị H, anh Đ và theo quy định của pháp luật.

Về con chung của chị H, anh Đ: Vì cháu Phạm Đức A được ông bà nuôi dạy từ nhỏ, hiện nay cháu đang học tại trường trung học cơ sở Thị Trấn C, bà đề nghị được tiếp tục được nuôi dạy cháu Đức A đến khi anh Đ chấp hành án trở về. Hiện nay chị H cũng đang nuôi con nhỏ của chị nên bà đề nghị Tòa án xem xét.

Vì điều kiện sức khỏe và công việc bà và ông Phạm Đức L xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70;71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, có bản tự khai trình bày quan điểm về việc chị H xin ly hôn.

Hiện nay anh Đ đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Nam Định. Anh Đ đề nghị được có mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc anh Đ xin có mặt tại phiên tòa là không được nên Tòa án vẫn xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 228; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị H, anh Đ sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56, Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị H.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị H. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Phạm Tuấn Đ theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Đ hiện đang chấp hành án phạt tù nên không có mặt tại Tòa án để giải quyết. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại các Điều 227; 228; 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Tuấn Đ kết hôn ngày 16 tháng 9 năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C huyện T tỉnh Nam

Định, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ ham chơi, không quan tâm chăm lo cho gia đình, liên tục vi phạm pháp luật. Từ năm 2016 đến nay, anh Đ đã 04 lần vi phạm pháp luật, hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù 02 năm về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được; Yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Đức A, sinh ngày 31/10/2009, hiện nay đang ở với ông bà nội là ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị C, tại địa chỉ Số nhà 132/A1 đường H, Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Chị H đề nghị được nuôi cháu Đức A và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ đang phải chấp hành án phạt tù nên có nguyện vọng giao cháu Đức A cho ông bà nội là ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy chị H có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phạm Đức A và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung của anh Đ; HĐXX xét thấy: Hiện nay anh Đ đang đi chấp hành án không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, quan điểm của anh đề nghị giao con chung của vợ chồng cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng là không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy quan điểm của anh Đ về việc nuôi con không được HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm Tuấn Đ.
2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị H có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Phạm Đức A, sinh ngày 31/10/2009. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện nay cháu Phạm Đức A đang ở cùng ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị C. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, ông L bà C có nghĩa vụ giao cháu Phạm Đức A cho chị H nuôi dưỡng.

Anh Phạm Tuấn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn ; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001434 ngày 25/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị H phải nộp. Chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H, anh Phạm Tuấn Đ, ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND TT C, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng